BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 9/2019

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
1	3009030023	Cao Thị Thúy	An	20/04/1998	7.12	Khá	
2	3009150004	Dương Thị Kim	Anh	07/07/1998	7.21	Khá	
3	3009080164	Lại Thị Lan	Anh	29/09/1997	8.15	Giỏi	
4	3009030050	Lê Kiều	Anh	24/05/1998	7.25	Khá	
5	3009080182	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/05/1997	7.51	Khá	
6	3009090170	Nguyễn Thị Lan	Anh	23/12/1998	7.73	Khá	
7	3009090193	Vũ Thị Ngọc	Anh	15/01/1998	8.65	Giỏi	
8	3009090216	Nguyễn Văn	Bá	12/11/1998	6.93	TB Khá	
9	3009080171	H'BLiêu	Byă	02/08/1998	7.15	Khá	
10	3009090194	Phạm Thị Thanh	Ca	25/11/1998	7.09	Khá	
11	3009030053	Lê Thị Kim	Chi	19/11/1998	7.49	Khá	
12	3009090127	Nguyễn Thị Kiều	Chi	10/12/1998	7.51	Khá	
13	3009070014	Hoàng Nghĩa	Chính	05/11/1998	6.86	TB Khá	
14	3009040024	Nguyễn Thị Hà	Chung	12/04/1998	7.11	Khá	
15	3009080154	Nguyễn Thị Kim	Chung	05/12/1977	8.11	Giỏi	
16	3009090175	Lý Văn	Cường	24/04/1998	6.65	TB Khá	
17	3009090147	Nguyễn Văn	Cường	10/09/1997	7.29	Khá	
18	3009040033	Hoàng Văn	Đạo	17/06/1997	6.89	TB Khá	
19	3009150003	Bùi Đức	Đạt	24/11/1998	7.62	Khá	
20	3009090212	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	08/02/1998	6.52	TB Khá	
21	3009030051	Tô Thị Kiều	Diễm	11/01/1997	7.10	Khá	
22	3009090158	Nguyễn Lê Ngọc	Diệu	11/06/1997	6.69	TB Khá	
23	3009100013	Ka	Din	06/06/1998	7.50	Khá	
24	3009070005	Lê Văn	Đức	18/09/1998	7.10	Khá	
25	3009080157	Nguyễn Thị Kim	Dung	28/03/1998	7.83	Khá	
26	3008090200	Trần Thị	Dung	02/02/1997	6.79	TB Khá	
27	3009090235	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	20/01/1998	7.27	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
28	3009090211	Nguyễn Thụy Tường	Duyên	11/09/1998	6.68	TB Khá	
29	3009030019	Trịnh Phước	Duyên	15/08/1998	6.79	TB Khá	
30	3009030026	Hồ Thị Thu	Hà	15/01/1998	7.02	Khá	
31	3009040012	Nguyễn Mậu	Hải	14/06/1997	7.50	Khá	
32	3009090185	Đào Gia	Hân	07/01/1998	6.97	TB Khá	
33	3009090171	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	14/02/1998	6.49	TB Khá	
34	3009030018	Lê Thị	Hân	15/03/1998	7.37	Khá	
35	3009070004	Trần Thị Ngọc	Hân	18/09/1998	6.89	TB Khá	
36	3009090107	Tạ Thị Thu	Hằng	10/10/1997	6.89	TB Khá	
37	3009030030	Văn Thị Thúy	Hằng	12/12/1998	7.64	Khá	
38	3009040003	Nguyễn Hồng	Hạnh	27/08/1996	6.75	TB Khá	
39	3007080013	Bùi Thị Như	Hảo	27/10/1996	6.95	TB Khá	
40	3009090165	Đặng Công	Hậu	19/01/1998	7.95	Khá	
41	3008090359	Đinh Thị	Hậu	24/09/1994	6.69	TB Khá	
42	3009080168	Nguyễn Phạm Thu	Hiền	07/07/1998	7.37	Khá	
43	3009090151	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	26/10/1998	8.22	Giỏi	
44	3009100009	Ninh Thị	Hiền	03/09/1997	7.44	Khá	
45	3009090231	Thạch Nguyễn Hoàng	Hiệp	01/06/1998	6.71	TB Khá	
46	3009090176	Vũ Xuân	Hiệp	10/10/1998	6.64	TB Khá	
47	3009070028	Trần Trung	Hiếu	19/01/1998	7.22	Khá	
48	3009030049	Võ Đức	Hiếu	03/04/1996	8.47	Giỏi	
49	3009100019	Nguyễn Lê Minh	Hoa	22/08/1998	7.19	Khá	
50	3009090138	Nguyễn Thị Thu	Hoài	20/03/1996	7.28	Khá	
51	3009010003	Đặng Minh	Hoàng	09/02/1994	9.13	Xuất sắc	
52	3008090185	Lâm Ngọc	Huệ	02/12/1997	6.86	TB Khá	
53	3009070020	Giản Phi	Hùng	17/01/1996	6.89	TB Khá	
54	3009090113	Nguyễn Thị Lan	Hương	01/05/1990	8.24	Giỏi	
55	3009090104	Trần Thị Mỹ	Hương	08/07/1997	6.65	TB Khá	
56	3009030040	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	12/01/1998	6.74	TB Khá	
57	3009030003	Trần Thị Ngọc	Huyền	26/11/1997	8.02	Giỏi	
58	3009100014	Trần Hoàng	Khang	13/08/1993	7.47	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
59	3009090149	Lê Thị Thùy	Khoa	10/02/1998	7.56	Khá	
60	3009090103	Nguyễn Đức	Khuynh	13/09/1997	7.40	Khá	
61	3009090156	Bùi Thị Thúy	Kiều	16/04/1998	6.79	TB Khá	
62	3009090169	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	11/03/1998	7.16	Khá	
63	3009070003	Phạm Thị Diễm	Kiều	25/02/1998	7.97	Khá	
64	3009030011	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	15/10/1998	7.61	Khá	
65	3009080166	Tạ Thúy	Lan	03/12/1998	7.30	Khá	
66	3009100012	Ka	Lản	13/06/1998	7.46	Khá	
67	3009150005	Trần Thị Mỹ	Lệ	14/12/1998	7.35	Khá	
68	3009030025	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	02/09/1998	7.27	Khá	
69	3009100004	Đào Thị Thùy	Linh	31/10/1998	7.69	Khá	
70	3009090128	Huỳnh Kiều Phương	Linh	21/06/1998	6.85	TB Khá	
71	3009090145	Nguyễn Minh Thảo	Linh	24/04/1998	7.37	Khá	
72	3009090189	Trần Thị	Linh	05/08/1998	6.51	TB Khá	
73	3009030006	Trương Hoài	Linh	22/12/1997	7.27	Khá	
74	3009040039	Võ Nguyễn Mỹ	Linh	27/12/1997	6.81	TB Khá	
75	3009040017	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	24/11/1994	6.94	TB Khá	
76	3009010012	Tưởng Minh	Long	18/07/1988	7.42	Khá	
77	3009110006	Nguyễn Thế	Luân	04/09/1998	7.76	Khá	
78	3009090131	Nguyễn Thị	Luyến	09/09/1998	7.01	Khá	
79	3009030029	Trần Thị Trúc	Ly	24/11/1998	7.41	Khá	
80	3009090228	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	18/03/1996	7.32	Khá	
81	3009040004	Võ Thị Tuyết	Mai	09/01/1998	7.37	Khá	
82	3009040011	Ngô Đức	Minh	29/08/1996	7.38	Khá	
83	3009090191	Huỳnh Diễm	My	25/07/1997	7.04	Khá	
84	3009060016	Nguyễn Văn	Nam	16/04/1997	7.10	Khá	
85	3009090173	Đinh Thúy	Nga	05/04/1998	8.02	Giỏi	
86	3007090056	Hoàng Thị Tố	Nga	29/10/1994	6.31	TB Khá	
87	3009010002	Võ Thị Liên	Nga	15/10/1997	7.32	Khá	
88	3009080162	Võ Ngọc Kim	Ngân	11/07/1998	8.32	Giỏi	
89	3009080170	Nguyễn Thụy Bích	Ngọc	31/10/1995	8.31	Giỏi	
90	3009040013	Trần Thị Thảo	Nguyên	16/07/1997	7.64	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
91	3008090358	Phạm Thu	Nguyền	02/04/1995	6.62	TB Khá	
92	3009070011	Lê Trung	Nhân	01/07/1998	7.27	Khá	
93	3009060003	Nguyễn Đăng Minh	Nhật	13/12/1997	6.92	TB Khá	
94	3009030007	Đỗ Thị Dung	Nhi	14/07/1998	7.32	Khá	
95	3009100006	Hồ Thị Ngọc	Nhi	03/03/1998	7.53	Khá	
96	3009090179	Nguyễn Thị	Nhi	26/08/1998	6.46	TB Khá	
97	3009030048	Nguyễn Thị Yến	Nhi	20/09/1994	8.61	Giỏi	
98	3009090199	Nguyễn Thị Yến	Nhi	02/11/1998	7.10	Khá	
99	3009080160	Nguyễn Ý	Nhi	14/02/1996	7.35	Khá	
100	3009090132	Phan Thị Linh	Nhi	27/09/1993	7.34	Khá	
101	3009070024	Phan Thị Yến	Nhi	07/03/1998	7.75	Khá	
102	3009090115	Trần Thị Thái Thảo	Nhi	18/08/1998	7.02	Khá	
103	3009090178	Trần Thị Yến	Nhi	10/04/1998	7.47	Khá	
104	3009090224	Võ Tuyết	Nhi	10/03/1998	7.43	Khá	
105	3009090121	Nguyễn Thị	Nhung	25/02/1997	7.55	Khá	
106	3009090186	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	28/04/1998	6.63	TB Khá	
107	3009030027	Phạm Thị Cẩm	Nhung	15/12/1998	6.78	TB Khá	
108	3009090129	Phạm Thị Yến	Nhung	19/03/1995	7.17	Khá	
109	3009060011	Nguyễn Văn	Nhựt	27/09/1997	6.94	TB Khá	
110	3009080178	Hdru	Niê	20/04/1997	7.35	Khá	
111	3009040027	Lưu Thị Mi	Nơ	02/07/1997	7.09	Khá	
112	3009040042	Phạm Lý Kim	Oanh	21/02/1993	7.24	Khá	
113	3009090222	Trương Thị Kiều	Oanh	06/10/1998	7.30	Khá	
114	3009100001	Đặng Lư Gia	Phúc	13/05/1998	7.42	Khá	
115	3009090114	Nguyễn Thanh	Phúc	14/02/1995	6.78	TB Khá	
116	3009090112	Trần Minh	Phúc	12/10/1997	6.52	TB Khá	
117	3009090219	Lê Thị Minh	Phước	29/03/1998	7.05	Khá	
118	3008020017	Vũ Hoàng Minh	Phước	25/07/1992	7.57	Khá	
119	3009060017	Đào Công	Phương	16/01/1995	7.36	Khá	
120	3009090236	Đoàn Thị Ánh	Phương	10/04/1998	6.95	TB Khá	
121	3008090049	Nguyễn Thị	Phương	04/06/1996	6.53	TB Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
122	3009070016	Nguyễn Thị Như	Phương	04/11/1998	7.02	Khá	
123	3009100016	Nguyễn Văn	Phương	08/01/1998	7.85	Khá	
124	3009030014	Tống Thị Kim	Phương	01/12/1998	7.44	Khá	
125	3009030044	Hoàng Thị	Phượng	05/09/1996	6.97	TB Khá	
126	3009030042	Trần Nữ Hồng	Phượng	04/10/1998	7.43	Khá	
127	3009090202	Trần Thị Kim	Quy	15/10/1998	6.81	TB Khá	
128	3009090140	Hoàng Thị	Quyết	01/01/1998	6.83	TB Khá	
129	3009030022	Bùi Nguyễn Như	Quỳnh	01/05/1998	7.28	Khá	
130	3009030028	Hoàng Thị Như	Quỳnh	01/01/1998	7.23	Khá	
131	3009090154	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	09/11/1997	7.66	Khá	
132	3009090108	Phạm Xuân	Quỳnh	25/11/1998	6.82	TB Khá	
133	3009070026	Y Kring	Rơ Lưk	15/10/1997	7.01	Khá	
134	3009070008	Nguyễn Thế	Sơn	13/07/1998	7.56	Khá	
135	3009060008	Nguyễn Thành	Tài	01/06/1998	6.92	TB Khá	
136	3009090109	Lam Vĩnh	Thái	07/04/1998	7.24	Khá	
137	3009090204	Nguyễn Nữ Việt	Thắm	12/02/1998	7.31	Khá	
138	3009030033	Phan Thị Hồng	Thắm	12/07/1998	7.21	Khá	
139	3009040016	Nguyễn Hữu	Thắng	30/06/1998	7.01	Khá	
140	3009070017	Trần Đức	Thắng	01/10/1997	7.29	Khá	
141	3009080158	Nguyễn Thị Kim	Thanh	21/03/1998	7.25	Khá	
142	3009090197	Nguyễn Thị Yến	Thanh	02/11/1998	6.99	TB Khá	
143	3008070037	Trần Thái Thanh	Thanh	05/06/1995	6.81	TB Khá	
144	3009090182	Nguyễn Hoàng Như	Thảo	04/10/1998	7.15	Khá	
145	3009090110	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	16/02/1995	7.19	Khá	
146	3009040018	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	17/05/1998	7.14	Khá	
147	3009090203	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04/04/1998	6.51	TB Khá	
148	3009090217	Nguyễn Thị Thu	Thảo	02/10/1997	7.29	Khá	
149	3009090157	Phạm Thị	Thảo	26/07/1998	7.30	Khá	
150	3009030054	Phan Thị Phương	Thảo	09/05/1998	7.44	Khá	
151	3009030008	Trần Lê Phương	Thảo	03/09/1997	7.06	Khá	
152	3009030005	Trần Thị Thanh	Thảo	31/07/1997	6.98	TB Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
153	3009090230	Trần Thị Thanh	Thảo	16/12/1998	6.78	TB Khá	
154	3009100002	Võ Thị Thu	Thảo	04/10/1997	7.98	Khá	
155	3009090124	Trần Thị Phương	Thi	24/11/1995	6.85	TB Khá	
156	3009090120	Nguyễn Hữu	Thọ	21/09/1998	6.56	TB Khá	
157	3009090106	Nguyễn Trường	Thọ	29/11/1998	6.71	TB Khá	
158	3009090143	Đậu Thị Kim	Thoa	26/08/1998	6.79	TB Khá	
159	3009100008	Lê Thị Kim	Thoa	30/07/1992	7.57	Khá	
160	3009110001	Nguyễn Duy	Thoại	19/11/1997	7.56	Khá	
161	3009090201	Nguyễn Thái Phương	Thoại	01/05/1998	7.28	Khá	
162	3009030012	Phạm Thị Thanh	Thư	10/09/1998	7.37	Khá	
163	3009080156	Trương Thị Hồng	Thư	12/06/1998	7.73	Khá	
164	3008090193	Lượng Dương Trình Duy	Thương	22/09/1996	6.42	TB Khá	
165	3009090196	Đoàn Thị	Thúy	14/08/1998	7.05	Khá	
166	3009090240	Nguyễn Thị	Thúy	10/12/1998	6.42	TB Khá	
167	3009070010	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	24/12/1998	8.02	Giỏi	
168	3009030043	Hách Thị Thu	Thủy	24/07/1998	8.13	Giỏi	
169	3009080159	Nguyễn Thị Bích	Thủy	11/07/1998	7.23	Khá	
170	3009090141	Nguyễn Thị Lệ	Thuyên	10/11/1998	6.79	TB Khá	
171	3009090226	Tạ Trung	Tiến	02/12/1998	7.71	Khá	
172	3009090207	Trần Công	Toại	01/11/1998	8.11	Giỏi	
173	3009030001	Huỳnh Thị Ngọc	Trâm	04/10/1998	7.42	Khá	
174	3009040028	Trần Bích	Trâm	11/04/1998	7.26	Khá	
175	3009090198	Võ Thị Huyền	Trâm	19/08/1997	7.31	Khá	
176	3009030020	Nguyễn Thị Bão	Trân	14/01/1998	7.56	Khá	
177	3009090111	Cao Ngọc Thiên	Trang	22/03/1998	7.57	Khá	
178	3009090137	Đinh Thị Thu	Trang	10/02/1995	8.10	Giỏi	
179	3008070053	Lương Quỳnh	Trang	19/02/1996	6.89	TB Khá	
180	3009030039	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/08/1998	7.19	Khá	
181	3009070001	Nguyễn Trần Thùy	Trang	11/08/1998	7.61	Khá	
182	3009090146	Trần Thị Huyền	Trang	05/12/1993	8.18	Giỏi	
183	3007030037	Trần Thị Minh	Trang	23/06/1995	6.82	TB Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBTK (thang 10)	Xếp loại TN	Ghi chú
184	3009100007	Nguyễn	Triển	18/01/1997	8.19	Giỏi	
185	3009090229	Huỳnh Thị Thanh	Triều	25/08/1998	6.74	TB Khá	
186	3009030032	Lê Huyền	Trinh	14/07/1998	7.18	Khá	
187	3009100003	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/07/1997	7.52	Khá	
188	3009100017	Nguyễn Thành	Trung	07/07/1998	7.63	Khá	
189	3008070027	Nguyễn	Trường	12/01/1997	7.07	Khá	
190	3009030055	Huỳnh Nguyễn Anh	Tú	03/10/1998	8.08	Giỏi	
191	3009070019	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	25/09/1998	6.98	TB Khá	
192	3009090195	Võ Thị	Tuyết	07/04/1998	7.58	Khá	
193	3007100040	Lê Huyền Phương	Uyên	11/11/1996	6.92	TB Khá	
194	3009090234	Nguyễn Trần Phương	Uyên	02/01/1997	7.13	Khá	
195	3009040002	Vũ Trần Tú	Uyên	02/06/1998	7.90	Khá	
196	3009090177	Ngô Thụy Hồng	Vân	13/03/1998	7.09	Khá	
197	3009030038	Nguyễn Thị	Vân	23/11/1998	7.24	Khá	
198	3009090100	Lê Thị Mai	Vi	28/06/1998	7.08	Khá	
199	3009090187	Đỗng Thị Út	Viễn	20/04/1998	6.69	TB Khá	
200	3009090239	Nguyễn Hồng	Việt	19/05/1994	6.81	TB Khá	
201	3009090162	Nguyễn Văn	Việt	26/02/1997	6.75	TB Khá	
202	3008040028	Nguyễn Minh	Vương	10/05/1985	6.63	TB Khá	
203	3009090227	Lê Thị Tường	Vy	13/11/1998	7.37	Khá	
204	3009030004	Nguyễn Thị Tường	Vy	16/03/1998	7.07	Khá	
205	3009040009	Trần Ngọc Khương	Vy	26/08/1998	7.27	Khá	
206	3009040034	Hoàng Thị	Yên	23/01/1998	7.16	Khá	
207	3009070015	Nguyễn Hồng	Yến	19/04/1997	7.94	Khá	
208	3009090153	Trần Thị Kim	Yến	10/12/1998	7.75	Khá	

TP.HCM, ngày 25 tháng 09 năm 2019